TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 394/2020/QĐST- HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 10 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HTỈNH THỪA THIÊN H.

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 382/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Nguyễn Đắc Q, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Số 109 Dương Văn A, phường Xuân Ph, thành phố Htỉnh Thừa Thiên H.

- Chị Trương Thị H, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Số 109 Dương Văn A, phường Xuân Ph, thành phố Htỉnh Thừa Thiên H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đắc Q và chị Trương Thị H kết hôn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu 03 năm, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và anh, chị đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Phú, thành phố Huế ngày 06/11/2006. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân của anh Q, chị H là hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân. Đã không sống chung với nhau 5 năm nay nên không còn tình cảm. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Q và chị H cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Đắc Q và chị Trương Thị H xác nhận vợ chồng chung sống có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 17/12/2010. Cháu Hằng có nguyện vọng muốn ở với chị H nên anh Q và chị H thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thị Thu H cho chị Trương Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/ tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi

quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nguyễn Thị Thu H thành niên.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Đắc Q và chị Trương Thị H tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Đắc Qvà chị Trương Thị H xác nhận vợ chồng chung sống không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Đắc Q và chị Trương Thị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 31/7/2020), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Đắc Q và chị Trương Thị H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 17/12/2010 cho chị Trương Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/ tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nguyễn Thị Thu Hthành niên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Đắc Q và chị Trương Thị H tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Đắc Qvà chị Trương Thị H xác nhận vợ chồng chung sống không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Đắc Q và chị Trương Thị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh Nguyễn Đắc Q và chị Trương Thị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/ 0000069 ngày 09/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm

2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT H;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP H
- UBND P.Xuân Phú, TP H;
(ĐKKH ngày 06/11/2006);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tuyết Linh